

Thu hút đầu tư trực tiếp từ Hoa Kỳ vào Việt Nam

Thực trạng và giải pháp

NCS. NGUYỄN ANH TUẤN & ThS. NGUYỄN ĐỒNG ANH XUÂN

Trường ĐH Công nghiệp Hà Nội

Với vị thế nền kinh tế số 1 thế giới, các dự án đầu tư trực tiếp (FDI) của Hoa Kỳ thường có quy mô lớn, gắn với công nghệ nguồn, công nghệ cao, giúp nước nhận đầu tư mở rộng thị trường tiêu thụ, nâng cao vị thế kinh tế, chính trị,...

Kể từ khi Việt Nam - Hoa Kỳ thiết lập quan hệ ngoại giao đến nay, FDI từ Hoa Kỳ vào Việt Nam đã góp phần quan trọng vào quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, tuy nhiên chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế của hai nước. Bài viết phân tích thực trạng, kết quả đạt được; những tồn tại, hạn chế từ hoạt động đầu tư trực tiếp của Hoa Kỳ tại Việt Nam trong thời gian qua; đồng thời đưa ra một số khuyến nghị về chính sách nhằm tăng cường thu hút vốn FDI gắn với công nghệ nguồn, công nghệ cao từ Hoa Kỳ trong thời gian tới.

1. Thực trạng FDI từ Hoa Kỳ vào Việt Nam

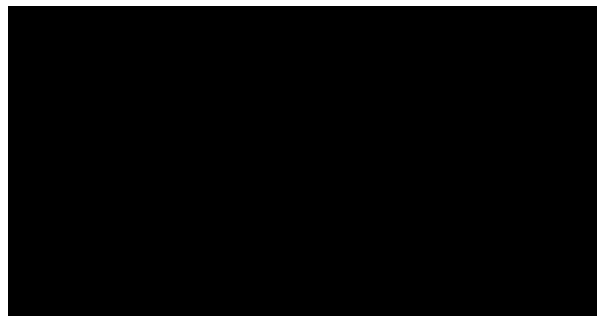
1.1. Xu hướng vận động của dòng vốn FDI từ Hoa Kỳ vào Việt Nam

Tính đến 31/12/2011, cả nước có 601 dự án FDI của Hoa Kỳ còn hiệu lực, với tổng số vốn đăng ký đạt hơn 11,6 tỷ USD.

Dòng vốn FDI từ Hoa Kỳ vào Việt Nam không ổn định qua các năm. Trong thời gian hai nước chưa bình thường hóa quan hệ ngoại giao (1988 - 1993), Hoa Kỳ chỉ có 10 dự án với tổng số vốn đầu tư là 23 triệu USD. Giai đoạn (1994 - 2000), quan hệ Việt - Mỹ chuyển sang trang mới, đánh dấu bằng việc chính quyền Mỹ bãi bỏ cấm vận Việt Nam vào năm 1994 và thiết lập quan hệ ngoại giao vào năm 1995, đã tác động mạnh mẽ đến đầu tư của Hoa Kỳ tại Việt Nam, chỉ riêng năm 1994 đã có 12 dự án FDI với tổng số vốn đầu tư là 120 triệu USD, đặc biệt năm 1995, Hoa Kỳ đã đầu tư 19 dự án FDI với tổng số vốn 462 triệu USD (gấp gần 2 lần số dự án, nhưng gấp hơn 20 lần số vốn đầu tư so với giai đoạn 1988 - 1993). Tuy nhiên, dòng vốn FDI từ Hoa Kỳ vào Việt Nam suy giảm mạnh từ năm 1998 đến năm 2000 do chịu tác động khủng hoảng tài chính tiền tệ châu Á năm 1997. Giai đoạn (2001 - 2005) đánh dấu bằng việc hai nước ký kết Hiệp định thương mại song phương BTA vào năm 2001, tạo tiền đề thúc đẩy quan hệ thương mại, đầu tư giữa hai nước và FDI từ Hoa Kỳ vào Việt Nam tiếp tục gia tăng, đạt đỉnh vào năm 2003 với tổng số vốn đầu tư là 1,23 tỷ USD. Từ năm 2006 đến nay, sự kiện Việt Nam chính thức trở thành thành viên thứ 150 của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) đã tác động mạnh mẽ tới môi trường đầu tư

kinh doanh của Việt Nam theo hướng mở cửa, hội nhập với kinh tế thế giới, dòng vốn FDI từ Hoa Kỳ vào Việt Nam tiếp tục gia tăng và đạt đỉnh vào các năm 2007, đặc biệt năm 2009 đạt giá trị 9,8 tỷ USD. Tuy vậy, dòng vốn FDI chịu tác động mạnh mẽ bởi khủng hoảng tài chính năm 2008, khủng hoảng nợ công châu Âu vào đầu năm 2010, làm cho nền kinh tế toàn cầu rơi vào suy thoái, vốn FDI đã sụt giảm mạnh, tổng số vốn đầu tư của Hoa Kỳ vào Việt Nam năm 2010 đạt giá trị 1,96 tỷ USD. Đặc biệt, tổng số vốn đầu tư của Hoa Kỳ vào Việt Nam năm 2011 thấp kỷ lục trong vòng gần 10 năm trở lại đây, chỉ đạt giá trị 253,99 triệu USD.

Hình: Dòng vốn FDI từ Hoa Kỳ vào Việt Nam giai đoạn 1988 - 2010



(Nguồn: Cục Đầu tư nước ngoài - Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

1.2. Cơ cấu vốn FDI từ Hoa Kỳ vào Việt Nam

1.2.1. Theo ngành

Hoa Kỳ đã đầu tư vào 17/21 ngành trong hệ thống phân ngành kinh tế quốc dân. Lũy kế tính đến 31/12/2011, đứng đầu là đầu tư vào ngành dịch vụ lưu trú và ăn uống. Mặc dù số dự án không nhiều (16 dự án, chỉ chiếm 2,66% số dự án FDI) nhưng quy mô các dự án lớn với số vốn đầu tư hơn 6 tỷ USD, chiếm 51,55% tổng số vốn đầu tư. Tương tự, ngành kinh doanh bất động sản chỉ có 10 dự án, chiếm 1,66% số dự án FDI, nhưng đứng thứ 2 về số vốn đầu tư với hơn 2 tỷ USD, chiếm 17,5%. Ngược lại, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo đứng đầu về số dự án (294 dự án, chiếm đến 48,92% số dự án FDI), nhưng quy mô các dự án nhỏ với số vốn đầu tư hơn 1,7 tỷ USD, chiếm 14,71% tổng số vốn đầu tư. Tiếp theo, khu vực sản xuất, phân phối điện, khí, nước,

điều hòa, với số vốn đầu tư hơn 849,7 triệu USD, chiếm 7% tổng số vốn đầu tư. Các ngành khác có số vốn đầu tư trên 100 triệu USD bao gồm: vận tải kho bãi 192,6 triệu USD (chiếm 1,65%); tài chính, ngân hàng, bảo hiểm 168,2 triệu USD (1,44%); nông, lâm, thủy sản 126,8 triệu USD (chiếm 1,09%). Chín chuyên ngành còn lại có tổng số vốn đầu tư 554,7 triệu USD, chiếm 4,76%, nhưng quy mô dự án nhỏ với số dự án đầu tư lên đến 237 dự án, chiếm 39,43% tổng số dự án FDI.

1.2.2. Theo hình thức đầu tư

Nguồn vốn FDI từ Hoa Kỳ vào Việt Nam được thực hiện thông qua 4/6 hình thức đầu tư được pháp luật Việt Nam cho phép (Hợp đồng BOT, BT, BTO và công ty mẹ con). Tính lũy kế đến 31/12/2011, hình thức 100% vốn nước ngoài đứng đầu với 478 dự án, chiếm 75,53% tổng số dự án FDI với số vốn đầu tư hơn 8,98 tỷ USD chiếm 76,28% tổng số vốn đầu tư. Đứng thứ 2 là hình thức liên doanh với 98 dự án, chiếm 16,31% tổng số dự án với số vốn đầu tư hơn 2,56 tỷ USD, chiếm 22,3% tổng số vốn đầu tư; hình thức công ty cổ phần chỉ chiếm tỷ lệ nhỏ với 13 dự án, chiếm 2,16% tổng số dự án FDI với số vốn đầu tư hơn 119 triệu USD; hình thức Hợp đồng hợp tác kinh doanh với 12 dự án nhưng quy mô vốn đầu tư nhỏ với số vốn đầu tư hơn 77,5 triệu USD.

1.2.3. Theo địa phương

Cho đến nay, đã có 38/63 tỉnh, thành phố của Việt Nam thu hút đầu tư trực tiếp từ Hoa Kỳ. Tuy nhiên, cơ cấu vốn FDI từ Hoa Kỳ vào Việt Nam theo địa phương phân bố không đều. Nguồn vốn FDI chủ yếu tập trung vào các vùng kinh tế trọng điểm, nhất là các tỉnh, thành phố phía Nam. Đứng đầu là Bà Rịa - Vũng Tàu với số vốn đầu tư hơn 6,59 tỷ USD, chiếm 56,56% tổng số vốn đầu tư. Đứng thứ hai là Hải Phòng với số vốn đầu tư hơn 1,17 tỷ USD, chiếm 10,11%. Đứng thứ ba là Cà Mau với số vốn đầu tư hơn 773,3 triệu USD, chiếm 6,44%. Tiếp theo, thành phố Hồ Chí Minh với số vốn đầu tư hơn 675,3 triệu USD, chiếm 5,76%. Còn lại 34 địa phương chỉ thu hút được 20,9% tổng số vốn đầu tư. Tuy nhiên, những con số nêu trên chưa phản ánh hết dòng vốn FDI của Hoa Kỳ tại Việt Nam do một số công ty Hoa Kỳ như Tập đoàn Coca Cola, Procter & Gamble, Chevron, Conoco... đầu tư vào Việt Nam thông qua chi nhánh hoặc công ty con đăng ký tại các quốc gia và vùng lãnh thổ khác, như: British Virgin Islands, Singapore, Hồng Kông...

1.3. Vị trí của Hoa Kỳ trong cơ cấu vốn FDI tại Việt Nam

Tính lũy kế đến 31/12/2011, đã có 94 nước và vùng lãnh thổ đầu tư vào Việt Nam với 13.664 dự án còn hiệu lực với tổng số vốn đầu tư đăng ký 197,9 tỷ USD, thì Hoa Kỳ đứng thứ 5, chiếm 5,89% tổng số vốn FDI của cả nước, nhưng chỉ chiếm 4,4% tổng số dự án FDI tại Việt Nam.

2. Đánh giá thực trạng FDI từ Hoa Kỳ vào Việt Nam

Thứ nhất, dòng vốn đầu tư trực tiếp từ Hoa Kỳ vào Việt Nam qua các năm chịu ảnh hưởng sâu sắc từ quá

trình hội nhập kinh tế của Việt Nam, tình hình kinh tế, chính trị... trên thế giới. Đặc biệt, chịu tác động mạnh mẽ từ tiến trình phát triển quan hệ Việt - Mỹ.

Thứ hai, Hoa Kỳ chủ yếu đầu tư vào ngành dịch vụ, chưa có nhiều dự án FDI vào ngành công nghiệp có quy mô lớn, sử dụng công nghệ hiện đại từ các MNC mẹ của Hoa Kỳ. Ít thu hút được các dự án FDI đầu tư vào ngành nông, lâm nghiệp, ngư nghiệp.

Thứ ba, quy mô bình quân dự án đầu tư trực tiếp từ Hoa Kỳ cao gấp 1,34 lần quy mô bình quân dự án FDI vào Việt Nam. Tuy nhiên, quy mô bình quân dự án FDI của Hoa Kỳ trong ngành dịch vụ lưu trú và ăn uống đứng đầu và gấp 64 lần quy mô bình quân dự án FDI trong ngành công nghiệp chế biến, chế tạo. Nếu so với mục tiêu chính của Việt Nam là thu hút công nghệ nguồn, công nghệ cao và nâng cao trình độ quản lý từ các dự án FDI của Hoa Kỳ thì những điều Việt Nam nhận được còn hạn chế. Vấn đề đặt ra cho các nhà hoạch định chính sách trong thời gian tới là phải tìm ra giải pháp thu hút nhiều dự án FDI có quy mô lớn, sử dụng công nghệ nguồn, công nghệ hiện đại đến từ các MNC của Hoa Kỳ.

Thứ tư, mặc dù quan hệ Việt - Mỹ đã có những bước phát triển vượt bậc, song nguồn vốn FDI từ Hoa Kỳ vào Việt Nam còn thấp chưa tương xứng với tiềm lực, vị thế cường quốc kinh tế số 1 trên thế giới, chưa tương xứng với tiềm năng hai nước.

Thứ năm, nguồn vốn FDI của Hoa Kỳ tập trung chủ yếu tại các tỉnh, thành phố phía Nam do có điều kiện cơ sở hạ tầng thuận lợi và khu vực phát triển kinh tế năng động nhất của cả nước.

3. Khuyến nghị chính sách

Từ phân tích trên, xin nêu ra một số khuyến nghị nhằm nâng cao hiệu quả thu hút FDI của Hoa Kỳ vào Việt Nam trong thời gian tới như sau:

Thứ nhất, Việt Nam cần tích cực đàm phán, ký kết và thực hiện Hiệp định Đối tác thương mại xuyên Thái Bình Dương, Hiệp định đối tác chiến lược Việt - Mỹ.

Thứ hai, cần xây dựng chính sách đặc thù để thu hút vốn, công nghệ nguồn từ các công ty Đa quốc gia (Multi-national companies - MNC), vì các MNC có ưu thế về vốn, công nghệ, trình độ quản lý, nghiên cứu và khai triển, khả năng cạnh tranh và xâm nhập thị trường... Xu hướng chung là các MNC vẫn tiếp tục đầu tư vào các ngành công nghiệp chế tạo, viễn thông, dược phẩm, dầu khí, thiết bị điện, tài chính, xây dựng cơ sở hạ tầng...

Thứ ba, để thu hút được nhiều dự án FDI sử dụng công nghệ nguồn, công nghệ cao, Việt Nam cần có chính sách phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, vì đây là vấn đề vừa có tính cấp thiết, vừa cơ bản lâu dài.

Thứ tư, Nhà nước cần có chính sách khuyến khích đầu tư phát triển công nghiệp phụ trợ, thu hút sự tham gia của mọi thành phần kinh tế trong và ngoài nước, khuyến khích hình thành các khu, cụm công nghiệp sản xuất linh kiện, phụ tùng, nguyên vật liệu phụ trợ cho các

(Xem tiếp trang 56)

xử lý nên mức độ nhiễm bẩn nguồn nước là vô cùng nhỏ; việc nhà máy đổ bê tông kê 2 bên bờ hạ lưu đã hạn chế khả năng làm xói lở hai bên bờ; hoạt động của dây chuyền sản xuất điện của nhà máy không làm biến đổi môi trường nước; tiếng ồn và độ rung của nhà máy không ảnh hưởng đến dân cư khu vực Thác Bà (phạm vi không quá 500m), khu dân cư cách nhà máy từ 1 đến 2 km. Riêng đối với nguồn nước sinh hoạt cho tập thể CBCNV Công ty và một số hộ dân gần khu vực được Công ty dẫn nước trực tiếp từ hồ Thác Bà, điều đó chứng tỏ công tác bảo vệ môi trường nước của Thủy điện Thác Bà được Lãnh đạo đơn vị đặc biệt quan tâm. Ông Đại Ngọc Giang - Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty cho biết, “Công ty CP Thủy điện Thác Bà với nhiệm vụ chính là sản xuất điện cung cấp cho hệ thống. Việc sử dụng nguồn nước trong sản xuất điện không những được coi là năng lượng sạch mà còn góp phần đáng kể vào cải thiện môi trường. Trong nhiều năm qua, Lãnh đạo Công ty luôn chú trọng và quan tâm đầu tư công tác chăm sóc bảo vệ môi trường, cải thiện các điều kiện làm việc cho người lao động. Nổi bật là, đã nâng cấp toàn bộ thiết bị trong dây chuyền sản xuất, hệ thống thông gió trong nhà máy; thay mới hệ thống điều hoà công nghiệp, hệ thống đèn chiếu sáng; lớp gạch nền gian máy, lát nền hầm cáp, nền V18; trồng

thêm nhiều cây xanh trong phạm vi Công ty, tạo cảnh quan sạch, đẹp. Bên cạnh đó, chúng tôi đã hoàn thiện, củng cố các hồ sơ và những yêu cầu về chấp hành Luật Môi trường, quản lý chặt chẽ và phân loại các chất thải thường và chất thải nguy hại; xây dựng và áp dụng Quy trình về ISO 14001...”. Mặt khác, trong công tác điều hành sản xuất, Công ty đã có nhiều chuyển biến tích cực trong việc đổi mới công tác quản lý, tổ chức sản xuất, mang lại hiệu quả kinh tế cao trong 5 năm gần đây. Đặc biệt, thu nhập của người lao động luôn được đảm bảo ổn định với mức cao (trung bình hơn 11 triệu đồng/người/tháng), làm thay đổi đáng kể cuộc sống cả về tinh thần và vật chất cho người lao động.

Với truyền thống hơn 40 năm xây dựng và trưởng thành, mỗi CBCNV Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà luôn biết ơn các thế hệ cha anh đi trước đã không tiếc công sức, xương máu, đặt nền móng vững chắc để có được một thủy điện Thác Bà như hôm nay. Dù hoạt động trong nền kinh tế thị trường nhưng Thủy điện Thác Bà cũng không muốn phụ lòng những gì thiên nhiên đã ban tặng, những người đang làm việc ở Thác Bà hôm nay đang nỗ lực đền đáp “quà tặng của trời” bằng những hành động thiết thực là nỗ lực bảo vệ môi trường ngày càng trong sạch hơn.❖

Thái Linh

Thu hút đầu tư trực tiếp từ Hoa Kỳ vào Việt Nam... (Tiếp theo trang 17)

ngành công nghiệp nội địa hội nhập ngày càng sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu.

Thứ năm, để có những dự án lớn, cần nghiên cứu và áp dụng sớm hình thức đầu tư sáp nhập và mua lại (M&A), nhất là khi Việt Nam đã có chủ trương cổ phần hóa các công ty nhà nước, kể cả những tổng công ty lớn. Biện pháp này đã làm tăng đầu tư ở nhiều nước trong thời gian ngắn. Đồng thời nghiên cứu, sớm áp dụng hình thức PPP trong việc khuyến khích các nhà đầu tư Hoa Kỳ tham gia đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng ở Việt Nam.

Thứ sáu, thiết lập, mở rộng quan hệ hợp tác với các cơ quan, hãng thông tấn, báo chí, truyền hình trong nước và ngay tại Hoa Kỳ để tăng tần suất thông tin về môi trường và cơ hội đầu tư tại Việt Nam. Mở rộng, nâng cao hiệu quả hợp tác xúc tiến đầu tư với các công ty tư vấn, xúc tiến đầu tư, các tổ chức chính phủ và phi chính phủ của Hoa Kỳ... nhằm mở đường cho việc thu hút vốn, công nghệ vào Việt Nam.

Thứ bảy, tăng cường các biện pháp khuyến khích, hỗ trợ kiều bào về nước đầu tư, vì hiện nay, có khoảng 1,5 triệu Việt kiều đang sinh sống, làm ăn tại Hoa Kỳ, không chỉ tạo ra cầu nối giữa các nhà đầu tư hai nước, mà còn là nguồn đầu tư tiềm năng đối với Việt Nam. Do vậy, cần đẩy mạnh thu hút đầu tư của cộng đồng người Việt tại

Hoa Kỳ theo hướng: (i) tiếp tục tăng cường các ưu đãi khuyến khích Việt kiều đầu tư về nước, đặc biệt trong các ngành công nghệ thông tin, giáo dục, y tế, nghiên cứu phát triển, du lịch, kinh doanh bất động sản...; (ii) tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa cho việc nhập cảnh, cư trú, đi lại và sinh hoạt của Việt kiều tại Việt Nam; (iii) mở rộng sự tham gia của kiều bào tiêu biểu vào các đoàn thể và các tổ chức chính trị - xã hội trong nước.

Tài liệu tham khảo

1. Phạm Thanh Khiết (2010), “Vấn đề thu hút và sử dụng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài ở Việt Nam hiện nay” - Tạp chí Nghiên cứu kinh tế, 9 (338).
2. Nguyễn Ngọc Mạnh, Lưu Ngọc Trinh (2010), “Quan hệ Việt Nam - Mỹ hướng tới tầm cao mới” - Tạp chí Những vấn đề Kinh tế và Chính trị Thế giới, 7 (171).
3. Dương Thị Bình Minh, Nguyễn Thanh Thuỷ (2009), “Cải thiện môi trường đầu tư thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài ở một số nước châu Á và các bài học kinh nghiệm cho thành phố Hồ Chí Minh” - Tạp chí Phát triển kinh tế, (225).
4. Dương Thị Bình Minh, Phùng Thị Cẩm Tú (2009), “Các giải pháp nâng cao hiệu quả kinh tế - xã hội về sử dụng nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tại thành phố Hồ Chí Minh” - Tạp chí Phát triển kinh tế.
5. Cục Đầu tư nước ngoài - Bộ Kế hoạch và Đầu tư: <http://fia.mpi.gov.vn>.